

CHƯƠNG 16

Tản Mạn Vài Điều Về Cố Đô Hoa Lư

Phần 16-2

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Cả nhà đang nghe ông nói một cách say sưa. Bỗng ông ngừng lại:

- Các cháu đợi bác lên gác lấy vài cuốn sách rồi ta lại nói chuyện tiếp nhé! *Nói có sách mách có chứng* vẫn hơn.

Vừa nói xong, ông đứng dậy bỏ lên gác.

Bà Xuyên ngồi tiếp chuyện chúng tôi thay ông. Bà tò mò hỏi chuyện của tôi và Thi. Cũng may có Uyên đỡ lời cho hai chúng tôi một số câu hỏi.

Bà lại nhìn tôi và Thi hỏi thêm:

- Thế bao giờ hai cháu định làm đám cưới đây? Nhớ mời hai bác tới dự nhé!

Tôi chỉ trả lời câu sau:

- Thừa bác vâng ạ!

Thì cứ ngồi cúi mặt e thẹn trước những cái nhìn của mọi người.

Thư nhìn Thi cười:

- Mình tình nguyện làm phù dâu cho bạn. Chịu không?

Thì ngừng lên e thẹn trả lời:

- Cám ơn bạn nhiều lắm!

Hội lớn tiếng đề nghị:

- Hay tớ với cậu, hai cặp làm đám cưới chung đi!

Tôi cười:

- Thế thì tốt quá!

Tôi sợ Hội tưởng thật nên vội nói ngay:

- Anh ra trường trước lập gia đình trước, tôi ra sau lập gia đình sau thì phải hơn!

Hội vỗ vai tôi:

- Biết rồi! Tớ chỉ nói đùa thôi mà!

Bà Xuyên lườm con trai của mình. Vừa lúc ông Xuyên bước vào phòng khách với vài cuốn sách trên tay. Câu chuyện về tôi và Thi cũng được chấm dứt ở đây.

Ông đặt vài cuốn sách lên bàn rồi nhìn mọi người hỏi:

- Mọi người đã sẵn sàng để nghe tôi nói rồi chứ?

Chúng tôi đồng thanh:

- Dạ! Chúng cháu sẵn sàng rồi ạ!

Bà Xuyên quơ chân vào đôi dép đứng dậy:

- Các cháu cứ tự nhiên nhé! Bác vào trong một tý.

Bà chợt hỏi:

- Hai thằng nhỏ đâu rồi nhỉ?

Thư cũng đứng bật dậy:

- Chắc hai đứa lại vào phòng con lục đồ đạc rồi!

Thư chạy phóng về phía phòng mình. Một chốc sau Thư quay lại với vẻ mặt vui tươi, nói với Hội:

- Không phải ở trong phòng em. Mà ở phòng anh. Chúng nó đang chơi “đá dế”.

Hội cười:

- Cô làm mọi người tưởng cô đầu vàng trong phòng không bằng! Quýnh cả lên!

- Hai “ông mãnh” đó! Tức ghê! Hôm qua chị Mơ đi chợ mua cho em mấy quả ổi chín để trên bàn học. Quay đi quay lại, chúng nó ăn hết, chỉ chừa lại cho em còn có một quả.

Hội cười vang:

- Anh ăn chứ không phải chúng nó ăn! Chúng nó ăn thì em chẳng còn quả nào đâu!

Thư chạy tới đâm lưng ông anh:

- Bắt đèn! Bắt đèn!

Cả nhà đều cười. Mơ đưa tay che miệng cười nhỏ:

- Thôi, Thư tha cho anh Hội đi. Ngày mai chị đi chợ mua đèn!

Thư quay sang Mơ phụng phịu:

- Chị phải mua đèn cho em nhiều gấp đôi cơ đấy!

Hội nói với Mơ:

- Em phải mua một rô, gấp đôi chỗ ấy thì làm sao đủ cho cô ấy “tráng miệng”.

Thư cũng không vừa, vênh váo với ông anh:

- Phải rồi! Anh chỉ “ném” thôi cũng đã hết nửa rô của em rồi!

Cả nhà lại cười sau câu nói của Thư. Bà Xuyên tùm tùm bước vào nhà trong. Bà nói nhỏ một mình nhưng cũng đủ lớn để mọi người cùng nghe:

- Sắp lấy vợ lấy chồng cả rồi mà vẫn còn tranh nhau mấy quả ổi!

Mọi người cùng tùm tùm cười. Tội nháy mắt Thi, nàng cúi xuống mím môi một cách duyên dáng nhưng cũng hàm ý đe dọa: khi về anh sẽ biết tay em!

Đúng là hai cô con gái (Thư và Thi) cùng lứa tuổi có nhiều điểm giống nhau, *cái tuổi mười sáu trắng tròn, nửa là người lớn nửa còn trẻ con.*

Bỗng có tiếng đuổi nhau từ phía trong nhà chạy ra. Té ra là tiếng chạy của hai đứa trai. Chúng chạy ủa tới Mơ thì nhau mách nên chẳng ai hiểu đầu đuôi câu chuyện ra sao. Mơ ôn tồn nói:

- Từ từ! Hai em tranh nhau nói thế này thì làm sao chị phân xử được! Anh nói trước, em nói sau. Nào, Tùng nói trước đi.

- Thằng Bảo nó thua, nó ngắt râu đế của em!

- Ủ, chị hiểu rồi, con đế của Bảo đấu thua con đế của em. Sau đó Bảo vặt râu con đế của em. Phải không?

- Đúng rồi ạ!

Mơ quay sang đứa em tên Bảo:

- Sao em lại vặt râu đế của anh Tùng?

Đứa em vừa rơm rớm nước mắt vừa nói:

- Anh ấy thua! ... anh ấy lấy tăm chọc vào đít con đế của em làm nó sợ, nó chạy... Anh ấy... anh ấy lại nói em thua! Em mới vặt râu con đế của anh ấy chứ!

Cả nhà nín bưng không cười vì sợ làm mất vẻ trang nghiêm trong việc phân xử của Mơ.

Vừa kể đến đây hai đứa lại quay ra cãi nhau. Mơ vội vàng kéo chúng ra sân.

Thư thở phào:

- Nếu không có chị Mơ, em phải phân xử vụ này rồi!

Tôi nghĩ vị thế của Mơ trong gia đình này kể ra cũng được tôn trọng và được mọi người thương yêu nhờ cách cư xử khôn khéo của cô trong mọi trường hợp.

Chẳng mấy chốc thấy Mơ trở lại, hai đứa trẻ cũng hớn hở chạy thẳng về phòng.

Hội hỏi Mơ:

- Em làm thế nào mà chúng im vậy!

- Em dọa là làm ồn, Bố sẽ đánh đòn vì nhà đang có khách. Em hứa ngày mai sẽ đưa hai em ra chợ mua cho mỗi đứa hai con dế thật khỏe.

Hội tùm tùm cười:

- Dế khỏe đâu hẳn đã phải là dế đá hay! Coi chừng em mua phải dế cái đấy!

- Dế đực thì cánh nó có vằn, dế cái thì không có. Hội nhỏ em hay nuôi dế trong hộp diêm và cho nó ăn cỏ non. Thầy (Bố) em cứ dọa vứt đi vì đêm nó “gáy” to lắm. Em cũng biết chơi đá dế mà!

Thư lên tiếng:

- May mà chúng ra mách chị chứ mách em là em “phát đít” cho mỗi đứa mấy cái, đuổi đi là xong!

Cả nhà nhìn Thư cùng cười.

Sau vài câu chuyện vui bên lè, ông Xuyên lại xoay câu chuyện về *văn hóa nghệ thuật thời Hoa Lư*. Thấy Uyên như nôn nóng điều gì nên ông Xuyên hỏi:

- Chắc cháu Uyên có câu hỏi gì muốn hỏi bác?

- Thưa vâng ạ!

- Cháu hỏi đi!

- Thưa bác, cứ như điều bác vừa nói về văn hóa nghệ thuật Hoa Lư, thì nghệ thuật “múa rối nước” cũng phát nguồn từ Hoa Lư như nghệ thuật chèo. *Chèo* dưới thời vua Đinh, *múa rối nước* dưới thời vua Lê Đại Hành. Hai môn nghệ thuật này có liên quan gì tới nhau không ạ?

Ông Xuyên nhìn lên trần nhà, ngẫm nghĩ một chút mới trả lời:

- Câu hỏi của cháu hay lắm! Để trả lời được câu hỏi của cháu, bác phải *chia câu hỏi đó ra hai đoạn* để dần giải cho dễ.

Múa rối nước

Dựa vào một số tài liệu, ông Xuyên cho biết.

- *Nguồn gốc của “múa rối nước”.*

Một số nhà nghiên cứu cho rằng những mô tả ngày Sinh nhật của vua Lê Đại Hành ở Hoa Lư trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư viết “*Mùa thu, tháng 7 rằm là ngày sinh của vua, sai người làm thuyền ở giữa sông, lấy tre làm núi giả đặt trên thuyền gọi là*

Nam Sơn, rồi đặt lễ vui đua thuyền, về sau thành thường lệ”. Về sau này, sinh nhật của vua thường rất lớn gọi là Khánh tiết hay Đại khánh... là hình thái mở đầu của nghệ thuật “múa rối nước”.

Lại có một số tài liệu cho rằng nó xuất xứ từ những hoàn cảnh và địa danh khác nhau.

Một tài liệu cổ nhất còn giữ lại được có mô tả rõ cảnh múa rối được khắc ở bia Sùng Thiện Diên Linh ở núi Đọi (Duy Tiên, tỉnh Hà Nam bây giờ), vào thế kỷ thứ 12 (1112), đời vua Lý Nhân Tông. Bia tả như sau:

“Lòng sông rung rinh. Rùa vàng nổi lên bùng đội ba quả núi. Nước chảy nhịp nhàng, nở phô vẩy đẹp và chuyển động bốn chân, nhe răng, trợn mắt và phun nước biểu diễn, điệu sáng sủa trên mặt nước tràn đầy. Động này cửa nọ tranh nhau mở, xuất hiện những thần tiên nhuần nhị, nét mặt thanh tân, há đầu phải vẽ đẹp người dương thế. Tay nhỏ nhắn mềm mại múa điệu hồi phong. Nhìn mây nước ca khúc vân hội. Chim phượng có sừng hợp nhau thành đôi, tất cả đều ra múa phô diễn.” (Trích trong “Văn học dân gian Việt Nam” của tác giả Đinh Gia Khánh...)

Như thế, vào đời nhà Lý, nghệ thuật “múa rối nước” đã phát triển cao. Điều này chứng tỏ nó đã có trước đó rất lâu trong dân gian. Sau đó “múa rối nước” mới vào cung đình ở mức độ nghệ thuật tinh vi và chuyên nghiệp hơn.

Vào đời nhà Trần múa rối cũng thường được đưa vào cung. Sứ thần nhà Nguyên là Trần Phu kể lại, trong buổi yến tiệc thết đãi, ở tầng dưới có trò leo dây, múa rối.

Các đền, chùa cũng có nơi có *thủy đình* để diễn “múa rối nước” như chùa Thầy ở Sơn Tây. Chùa Thầy được xây từ thời nhà Lý, thờ Phật và thờ ngài Từ Đạo Hạnh. Sách *Hí phường phả lục* lại cho Từ Đạo Hạnh là *ông tổ của chèo*.

- *Vài điểm tương đồng và khác biệt của nghệ thuật “múa rối nước” với chèo.*

Múa rối ở nước ta có hai loại: múa rối trên cạn gọi là *múa rối cạn*, múa rối dưới nước gọi là *múa rối nước*.

Múa rối cũng là một loại nghệ thuật dân gian như chèo. Và cũng như chèo, múa rối phát xuất từ những nghệ sĩ dân gian, khởi đầu là bán chuyên nghiệp, trình diễn gần hay xa cũng chỉ giới hạn trong thời gian nhàn rỗi chờ thời vụ canh tác nông nghiệp.

Múa rối nặng về phần trình diễn kỹ năng, kỹ xảo, thuật khéo, tài lạ. Tuồng tích thường đơn giản và ít đi sâu vào tâm lý nhân vật như chèo. Nhưng ngược lại khi diễn tuồng tích thì múa rối, qua kỹ năng biểu diễn, lại thực hiện được những động tác khó khăn mà nhân vật của chèo không thực hiện nổi (như nhảy vòng lửa).

Múa rối lể, không có tuồng tích, trọng tâm là biểu diễn những động tác lao động, chạy, múa, đánh võ, ... múa tứ linh, múa sư tử, đấu vật, đánh đu, nhảy vòng lửa thuộc hình thức cá thể.

Trong múa rối có chú “*Tễu*”, nhân vật pha trò mua vui, phản ánh tính chất như *hề* trong chèo, không thể thiếu được. Hình ảnh điển hình của chú “*Tễu*” béo tròn phốp pháp, đóng khố, mặc áo phong phanh, cổ đeo khánh bạc, tóc để trái đào là hình ảnh khó quên cho người xem.

Múa rối nước tiếp xúc với khán giả qua những con rối đi mời trầu, giữ trật tự, mở trò, khép trò...

Các nghệ sĩ cũng *tùy tình huống mà tự ứng biến vai trò* qua con rối một cách linh hoạt cho phù hợp với sở thích của người xem.

Thế kỷ 17, “múa rối nước” đạt tới trình độ chuyên nghiệp cao. Và tới thế kỷ thứ 18, “múa rối cạn” cũng đã tiến tới trình độ chuyên nghiệp ngang hàng với múa rối nước.



Múa rối nước



Thủy đình ở chùa Thầy để biểu diễn múa rối nước



Chú Tễu

Ông Xuyên say sưa nói, chúng tôi say sưa nghe. Uyên luôn tỏ ra là người năng động nhất. Nàng thỉnh thoảng lại chêm vào vài câu hỏi nhỏ để cho vấn đề giảng giải được rõ nghĩa thêm. Mỗi lần như thế ông Xuyên cứ gật gù nhìn Uyên ra chiều đặc ý lắm.

Nhân dịp được nghe về “múa rối nước”, nàng không quên hỏi thêm về hát chèo. Bỗng Hội vỗ tay lên trán, như nhớ ra một điều gì, vội nói với tôi:

- Nam nói thêm về chèo đi! Hôm trước tớ thấy cậu đọc cuốn sách về chèo. Cậu ngồi ở sân trường say sưa đọc miết cho tới khi tớ rủ cậu đi uống nước cậu mới chịu ngưng!

Tôi chỉ tùm tùm cười, không nói gì. Uyên “xốc nổi” tin ngay lời Hội:

- Sao anh không kể cho bọn em nghe!

- Uyên tin lời anh Hội à! Ừ, anh có đọc nhưng đâu có đọc say mê đến thế!

Uyên cười hóm hỉnh:

- Em chỉ hỏi tội anh là tại sao anh không kể cho bọn em nghe thôi mà!

- Thì phải có dịp chứ!

- Thôi được rồi! Bây giờ có dịp rồi đó. Anh xin phép bác cho anh nói đi!

Mọi người thấy Uyên tấn công tôi tới tấp nên cùng cười. Ông Xuyên xua tay can:

- Được rồi! Bác cho phép nói đây.

Nói xong ông đùa hỏi tôi:

- Xin phép bác thì được rồi. Cháu còn phải xin phép “ai” nữa chứ?

Tôi đùa quay sang Thi. Nàng ngượng ngịu:

- Em không biết!

Thi cúi xuống, e thẹn, mặt ửng đỏ.

Hội lại lớn giọng:

- Thôi “vợ” cho phép rồi thì nói đi! Cái chuyện “chèo kéo” gì đây.

Thư đang đứng nhìn soi mói xem phản ứng của Thi ra sao trong khi Thi vẫn cúi xuống. Thư chạy lại đứng đằng sau Thi, ghé vào tai nàng nói nhỏ nhưng cũng đủ để mọi người cùng nghe:

- Mình đề nghị bạn hát tặng anh Nam một bài hát đi. Bạn hát hay lắm mà!

Tôi nghĩ sao hai anh em nhà này tính tình lại giống như thế. Ông Xuyên nhìn Thư xua tay như để cứu Thi rồi quay sang tôi dục:

- Thôi, cháu Nam nói về chèo đi!

Tôi thưa với ông Xuyên:

- Thưa bác, cháu xin phép nói sơ lược một vài điều được đọc trong sách để *bổ túc thêm* cho những gì chúng cháu học hỏi được ở Hoa Lư về chèo ạ.

Chèo ⁽¹⁾

Ảnh hưởng từ bên ngoài

Chèo phát triển ở đồng bằng sông Hồng xuất phát từ nhu cầu giải trí trong quân đội thời Đinh Tiên Hoàng vào thế kỷ thứ 10. Vào thời đó, chèo *chỉ có phần nói* (tức nói nhái) và *ngâm các bài dân ca*. Nhưng cho tới thế kỷ thứ 14 có một sự kiện lớn ảnh hưởng tới chèo. Đó là sự đóng góp của một người

(1) Xin đọc thêm chi tiết về chèo ở Chương 13, Phần 13-4.

lính Mông Cổ bị bắt làm tù binh. Người tù binh này là một nghệ nhân nên đã mang kịch của Trung Hoa vào chèo. Từ đó *chèo có thêm phần hát*.

Đến thế kỷ thứ 19 thì chèo tiếp thu *ảnh hưởng của tuồng* qua một số tuồng tích như Tống Trân, Phạm Tải, hoặc mang tuồng tích của Trung Hoa như Hán Sở Tranh Hùng, Tiền Hán, Hậu Hán.

Tuồng được phát triển từ đời nhà Trần và được triều Nguyễn nâng đỡ từ thế kỷ 17 trong địa vực Đàng trong của chúa Nguyễn. Và sau đó, tuồng đạt đến thời kỳ hoàng kim ở thế kỷ 18 và 19 trong toàn quốc, chủ yếu trong các đô thị hay nhà quan.

Vì ảnh hưởng của tuồng nên vào đầu thế kỷ 20, chèo cũng đã *chuyên nghiệp hóa* để trình diễn trên sân khấu ở những vùng đô thị. Đôi lúc chèo có những ông tướng mặt đỏ và những điệu hát Nam, hát Khách của tuồng cùng hòa với làn điệu hát chèo.

Tuy nhiên chèo vẫn khác tuồng về phần nội dung.

- Tuồng ca tụng những vị anh hùng, những nhân vật thuộc giới quyền quý.

- Chèo miêu tả đời sống giản dị của người dân nông thôn với những ước vọng của họ và đả phá những bất công trong xã hội.

Chèo trong thời vua Hậu Lê và thời Lê-Trịnh.

Chèo cũng có những bước thăng trầm của nó.

- Từ thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ thứ 15.

Vào những thế kỷ này, qua những triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, tuy là những triều đại phong kiến nhưng lại gần gũi với dân theo truyền thống văn hóa, tín ngưỡng Phật giáo. Những văn nghệ truyền thống dân gian được đưa vào cung đình một cách dễ dàng không phân biệt rõ ràng giữa hai ranh giới *nhạc dân gian* và *nhạc cung đình* (nhã nhạc). Triều đình còn biết đem những thành quả của sự phát triển văn nghệ dân gian làm cầu nối chính trị và kinh tế với quần chúng. Trong đó chèo còn được đưa vào làm trò giải trí trong quân đội.

- Từ thế kỷ 15 trở về sau.

Vào giữa thế kỷ 15, triều đại nhà Hậu Lê được thành lập sau khi đánh đuổi quân Minh. Trong triều đại này, Nho giáo chiếm ưu thế so với Phật giáo.

Nhà Hậu Lê chú trọng việc phát triển truyền thống dân tộc và dùng Nho giáo như một phương thức làm nền tảng cho sự phát triển xã hội với một nền văn hóa kỷ cương và một chính thể pháp trị. Người tiêu biểu cho sự thay đổi mạnh mẽ để đem sự cường thịnh cho nước Đại Việt không ai khác hơn là vua *Lê Thánh Tông*, một vị vua anh minh bậc nhất vào thời Hậu Lê.

Riêng về nhạc dân gian, vua Lê Thái Tông cũng đã bắt đầu có sự thay đổi. Trong buổi lễ ở Thái miếu, ngài đã ra lệnh *bãi bỏ hát chèo* và *cấm “dâm nhạc”*. “Dâm nhạc” ở đây là gồm loại nhạc dân gian và

những loại nhạc khác với “nhạc cung đình” đã được quy định vào năm 1437 do *Lương Đăng soạn*⁽²⁾.

(²) *Lễ nhạc của Lương Đăng soạn :*

Vua Lê Thái Tông giao cho cụ Nguyễn Trãi cùng hoạn quan đương triều soạn Lễ nhạc (hay Nhã nhạc) vào tháng Tư năm Thiên Bình (1437). Lương Đăng đưa ra 8 loại cho triều đình :

1- *Giáo nhạc (nhạc dùng khi tế)*

2- *Miếu nhạc (nhạc tế ở các miếu)*

3- *Ngũ tử nhạc (5 cái tế)*

4- *Đại triều nhạc (khi có lễ Thọ của vua hay tiếp phái đoàn ngoại giao nước ngoài)*

5- *Thường triều nhạc (ngày thường cũng đánh được)*

6- *Trung cung chi nhạc (nhạc đánh trong cung)*

7- *Đại yến nhạc (nhạc ở đại yến)*

8- *Trú nhật nguyệt Giao trùng nhạc (nhạc đánh khi có nhật thực hay nguyệt thực- dùng tiếng trống đồng để đánh đuổi “con gấu” to nuốt mặt trời, mặt trăng).*

Những loại nhạc này Lương Đăng lấy của nhà Minh.

Sau khi cụ Nguyễn Trãi biết được vua chấp nhận (vua còn bé) 8 loại nhạc này vì Lương Đăng là hoạn quan nên rất được trọng dụng, cụ Nguyễn Trãi xin từ chức viện cớ sự hiểu biết của cụ còn nhiều chỗ non kém, thiếu sót. Tháng Mười năm đó cụ dâng sớ lên vua cho là những Lễ nhạc ấy là nhạc của Trung Hoa. Một điểm nữa cụ phản bác khi vua rời cung ra ngoài thì đánh 108 tiếng trống, 108 tiếng chuông.

Mà con số 108 là cái gì? Là số hạt trong chuỗi tràng hạt của Phật giáo. Mà sao số hạt trong tràng hạt Phật giáo lại dùng khi vua rời cung. Khi vua trở về cung thì lại đánh khác. Thành ra chính Lương Đăng cũng không hiểu ý nghĩa công việc mình định.

Vì những Lễ nhạc này không từ dân tộc mà ra nên chẳng bao lâu thì mai một, không ai dùng tới nữa

Năm 1470, vua Lê Thánh Tông lên ngôi tiếp nối vua Lê Thái Tông, tiếp tục phân chia ra hai loại nhạc:

- *Nhạc cung đình* còn gọi là *quan nhạc*.

- *Nhạc dân gian* hoặc *nhạc giáo phường*. Tuy nhạc dân gian và “dâm nhạc” không bị cấm đoán nhưng không được coi trọng nữa.

Tới thế kỷ thứ 16 thái độ phân biệt và kỳ thị nhạc dân gian càng được vua Lê - chúa Trịnh triệt để áp dụng như *chèo không được diễn lâu quá 3 ngày trong những kỳ hội hè đình đám*. Sự kỳ thị này được các nhà nghiên cứu cho rằng do nguyên nhân chính là sự xa cách giữa triều đình và dân chúng càng ngày càng nhiều và quần chúng đã dùng âm nhạc, nghệ thuật, văn học dân gian để chống báng lại sự thối nát của cung Vua - phủ Chúa, quan lại và những tệ trạng xã hội đương thời. Hệ lụy của sự phân chia này đã đưa đến việc ông Đào Duy Từ⁽³⁾ phải bỏ Đàng ngoài vào Đàng trong phục vụ cho nhà Nguyễn.

Tôi vừa dứt lời, ông Xuyên khen:

(Ghi lại sơ lược trong một buổi nói chuyện của giáo sư Trần Văn Khê.)

⁽³⁾ Đào Duy Từ là con nhà hát chèo nên không được dùng tuy đã đỗ đạt, ông bỏ Đàng ngoài vào Đàng trong giúp chúa Nguyễn xây dựng Lũy Thầy, một chiến lũy nổi danh thời đó, để chống lại quân Đàng ngoài tức quân Lê-Trịnh

- Khá lắm! Khá lắm!

Nói xong ông cứ gật gù như vừa khám phá ra một điều gì mới lạ. Mọi người vỗ tay thay cho lời khen thưởng. Hội chỉ vào tôi lớn tiếng:

- Thằng bạn con nó còn giỏi nhiều thứ lắm. Trong trường nó cũng học giỏi được các thầy yêu thích, cho nó làm thêm trong trường, vừa học vừa có lương nữa. Nhưng sau này chẳng biết có nên com cháo gì không hay chỉ khổ vợ. Về nhà, cứ ôm quyển sách.

Mơ đánh nhẹ vào tay Hội:

- Thế còn anh thì sao?

Hội ưỡn ngực, cung tay phô diễn bắp thịt:

- Anh khỏe thế này! Đường đường một đấng “nam nhi tri chí”, “đầu đội trời chân đạp đất” mà em còn phải hỏi anh câu đó à! Anh sẽ làm tất!

Mơ nhìn Hội cười cười:

- Lúc nãy anh nói "con đẻ khỏe chưa hẳn là con đẻ đá hay" cơ mà! Cái gì cũng chừa cho vợ làm thì sao? Nếu thế, em sẽ mách Mẹ!

Thư bênh Mơ, xía vào:

- Đúng rồi! Anh ấy sợ em vì em hay mách Mẹ!

Hội phản công Mơ:

- Thế có những chuyện không mách Mẹ được thì sao?

Mơ cũng không vừa, không trả lời, cười cười đưa nắm tay ra dứ dứ dọa. Hội thách:

- Thách “đăng” ấy đấy! ... Nhìn “tớ” đây này! Hội lại ưỡn ngực, cung tay cho nổi hai "con chuột"⁽⁴⁾ cứng chắc:

- Dám! ... Dám không? ... Thử đi nào!

Cả nhà cười lớn. Riêng ông Xuyên vẫn trầm tĩnh, tùm tùm nhìn các con diễn trò.

Ông Xuyên cầm lên một trong những cuốn sách ông mang từ trên gác xuống lúc nãy. Ông mở vài trang như để tìm kiếm điều gì trong ấy rồi ông ngừng lên nói với chúng tôi:

- Lúc nãy chúng ta đã lược qua vài điểm về nghệ thuật dân gian thời Đinh và Tiền Lê ở Hoa Lư, nay ta bàn thêm một chút về *Văn học* vào thời kỳ đó nhé. Bác chỉ đan cử hai nhân vật có thể đại diện, đó là nhà sư Đỗ Pháp Thuận và nhà sư Ngô Chân Lưu mà các cháu đã từng được cụ Từ nhắc tới trong chuyện đi chơi vừa rồi. Nay bác chỉ bổ túc thêm.

Sư Đỗ Pháp Thuận (915-990)

Pháp sư Đỗ Pháp Thuận là thiền sư đời thứ 10 của dòng thiền *Tì-ni-đa-lưu-chi*, không biết tên thật và quê quán ở đâu. Ông được vua Lê Đại Hành phong làm Pháp Sư. Ông cùng với sư Khuông Việt

(⁴) Bắp thịt nơi cánh tay trên.

được cử tiếp sứ giả nhà Tống là Lý Giác. Cả hai cùng làm sứ giả nê phục vì tài ứng biến.

Tác phẩm còn lại của ông là bài thơ trả lời vua Lê Đại Hành hỏi về *đạo trị nước*.

Phiên âm:

Quốc Tộ

*Quốc tộ như đằng lạc,
Nam thiên lý thái bình.
Vô vi cư điện các,
Xử xử tức đao binh.*

Nội dung:

Câu (1-2): Ngai vàng và đất nước liên hệ quần quít với nhau nên nếu biết chăm sóc đất nước như săn sóc ngai vàng thì cả nước sẽ được thái bình.

Câu (3-4): Nếu đem đạo Vô vi vào việc trị nước thì chẳng cần đến gươm đao, mà loạn lạc khắp nơi sẽ tự chấm dứt.

Phỏng dịch:

Ngai vàng Và Đất Nước

*Ngôi, nước: mây quần quit,
Trời Nam cảnh thái bình,
Vô vi nơi điện các,
Bốn phương hết đao binh.*

(V. Ng.)

Uyên lên tiếng hỏi:

- Thưa bác, xin bác giải thích cho cháu thêm về hai chữ vô vi ạ?

Ông Xuyên tùm tùm cười vì có vẻ hài lòng về câu hỏi này của Uyên:

- Trong nghệ thuật trị nước có thể chia ra 3 loại.

Bá đạo: Lấy hình phạt nặng làm dân sợ để cai trị.

Vương đạo: Lấy nhân nghĩa làm dân yêu mến để cai trị.

Đế đạo: Luật pháp tuy có mà cũng như là không. Cai trị dân mà dân không thấy mình bị cai trị. Đế đạo cũng chính là Vô vi, tuyệt đỉnh cao siêu của nghệ thuật trị nước.

Sư Ngô Chân Lưu (933-1011)

Sư tu dòng thiền Vô Ngôn Thông ở chùa Khai Quốc, thành Đại La. Sư được vua Đinh Tiên Hoàng ban cho pháp hiệu là Khuông Việt. Qua triều vua Lê Đại Hành, ông cùng sư Đỗ Pháp Thuận được mời tham dự việc triều chính.

Tác phẩm của ông còn lưu lại được có bài “Vương Lang Quy”, thừa lệnh vua Lê Đại Hành làm tặng sứ giả nhà Tống là Lý Giác khi về nước.

Phiên âm:

Vương Lang Quy

*Trường quang phong hảo cảm phạm
trương,*

*Dao vọng thần tiên phục đế hương.
Vạn trùng sơn thủy thiệp thương lang,
Cửu thiên quy lộ trường.
Tình thâm thiết,
Đối ly tràng,
Phan luyến sứ tình lang.
Nguyện tương thâm ý vị biên cương,
Phân minh tấu ngã hoàng.*

Đại ý:

Chàng Vương Trở Về

*Gió lành, nắng đẹp, căng buồm gắm,
Xa ngóng thần tiên lại đế hương.
Sông nước muôn trùng, vượt biển biếc.
Trời chín tầng, xa biên biệt.
Tình thâm thiết,
Rượu biệt ly.
Lưu luyến vịn xe tình sứ.
Xin râu rõ cùng mình thánh,
Ý tình dằng dặc chốn biên cương.*

Dịch thơ:

*Gió xuân đậm ấm, cánh buồm dương,
Ngóng vị thần tiên lại đế hương.
Non nước nghìn trùng vượt đại dương.
Trời xa bao dặm trường!
Tình thâm thiết,
Chén đưa đường.
Vịn xe sứ giả vẫn cương!*

*Dám xin râu rõ cùng thánh thượng:
Lưu ý chốn biên cương.*

(Trần Thanh Mai)

Sau khi đọc xong bài thơ, Ông Xuyên không đợi chúng tôi hỏi liền giải thích thêm:

- Bài “Vương Lang Quy” thực ra không phải là bài thơ mà là một bài “tù”. Từ chuyên diễn tả tình cảm, và đời Tống là thời kỳ cực thịnh của “tù”.

Nhà Đường nổi danh với Đường thi, nhà Tống nổi danh với những “tù khúc”. Bậc tài danh số một về “tù” là *Tô Đông Pha*. Thơ thường dùng để đọc hoặc ngâm, còn “tù” thì chuyên dùng để ca nên gọi là Từ Khúc. Từ cũng vần điệu như thơ, nhưng lời của “tù” thường theo dòng nhạc của bài ca nên thường diu dặt, du dương, biến ảo hơn thơ. Từ vẫn có vần điệu của thơ nhưng số câu và số chữ trong một câu hoàn toàn phóng túng không phải gò bó như thơ. Những bài “tù” thường có nội dung ủy mị, than thở ⁽⁵⁾.

Thấy trời cũng đã ngả chiều tối, chúng tôi đứng dậy xin phép ra về. Bà Xuyên ở trong nhà cũng vội bước ra để cùng tiễn chúng tôi ra tới tận cổng. Ông bà Xuyên cứ khen Thi đẹp và trông hai chúng tôi thật xứng đôi. Ông bà không quên ngỏ lời cảm ơn chúng tôi lần nữa về việc ông bà đã nhờ giúp đỡ.

(5) “*Văn Học Đời Ngô-Lê-Lý*” của tác giả Phạm Khắc Hàm.

Các cô cứ bịn rịn như chưa muốn rời nhau. Tôi phải giục mấy lần mới chịu chia tay.

Ba chúng tôi cùng đạp xe về nhà.■

Vài Hình Ảnh Do Người Viết Chụp:

Múa rối nước

